

Bản án số: 180/2025/DS-PT
Ngày 20 – 01 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

- Bà Nguyễn Lê Kiều.
- Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/204/TLPT-DS, ngày 15/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 19, xã Phong Tân, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

2. **Bị đơn:** Bà Mã Thị T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4A, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

3. **Người có quyền nghĩa vụ liên quan:** Anh Võ Văn K, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Mã Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Phạm Hoàng N là nguyên đơn trình bày: Giữa ông N và bà Mã Thị T có mối quan hệ tình cảm. Ông N có cho bà T vay tiền, mục đích để bà T mở tiệm sửa xe cho con là anh Võ Văn K. Ông N cho bà T vay nhiều lần với tổng số tiền 155.000.000 đồng. Bà T và anh K có ký giấy cam kết ngày 10/10/2022, với nội dung cùng sử dụng nguồn thu nhập trả nợ vay cho ông N. Tuy nhiên, từ khi

vay tiền đến nay bà T không trả nợ cho ông, cũng không đóng lãi. Nay, ông N yêu cầu bà T trả nợ gốc 155.000.000 đồng, yêu cầu bà T trả lãi theo quy định pháp luật.

Theo bà Mã Thị T là bị đơn trình bày: Giữa bà T và ông Phạm Hoàng N có mối quan hệ tình cảm. Trong thời gian quen biết, tìm hiểu nhau ông N có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để cầm cố cho bên ngoài lấy tiền sử dụng, nên vào tháng 10/2022, ông N vay tiền Ngân hàng trả tiền đã mượn của bà trước đó là 123.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý trả cho ông N 155.000.000 đồng, tiền lãi 16.280.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vay 123.000.000 đồng, lãi suất 22.017.410 đồng.
2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, bị đơn bà Mã Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Không buộc bà trả cho nguyên đơn số tiền vay 123.000.000 đồng, lãi suất 22.017.410 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Mã Thị Thu G nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn; áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “nợ vay” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác, mà cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp đúng với khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là “Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Hoàng N yêu cầu bà Mã Thị T trả tiền vay 155.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Mã Thị T:

[3.1] Về tiền vay gốc: Tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm bà T đều thừa nhận có nhận của ông N 123.000.000 đồng vào tháng 10/2022. Bà T cho rằng ông N mượn số tiền này trước đó của bà nên trả lại. Ông N không thừa nhận có việc mượn tiền của bà T, bà T cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh ông N nợ bà 123.000.000 đồng. Ông N yêu cầu bà T trả 155.000.000 đồng, nhưng ông N cũng không có chứng cứ chứng minh, song bà T thừa nhận có nhận của ông 123.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà T trả cho ông N 123.000.000 đồng là có căn cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình chuẩn bị xét xử tại cấp sơ thẩm, ông N xác định cho bà T mượn tiền để mở tiệm sửa xe cho con. Từ lời trình bày của đương sự, cho thấy giao dịch vay tài sản giữa các bên là không có thời hạn, không có lãi suất.

Toà án nhân dân thị xã Giá Rai xác định mức lãi suất bà T phải trả từ ngày 30/10/2022 theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không đúng.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”. Như vậy, trong trường hợp này, cần xác định thời hạn trả nợ của bà T được tính kể từ ngày ông N khởi kiện bà T ra Toà án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Cho nên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Mã Thị T, lãi suất được tính lại như sau:

Tiền vay 123.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng (từ ngày thụ lý 15/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2024) = 7.146.300 đồng.

[3.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Mã Thị T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể: Buộc bà Mã Thị T trả cho

ông N tiền vay gốc 123.000.000 đồng, tiền lãi 7.146.300 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đòi bà T trả tiền vay gốc 32.000.000 đồng.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự:

Bà Mã Thị T được chấp nhận kháng cáo, nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0009081 ngày 04/9/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được hoàn trả cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Mã Thị T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng N về việc yêu cầu bà Mã Thị T trả nợ vay.

1.1. Buộc bà Mã Thị T trả cho ông Phạm Hoàng N tổng số tiền 130.146.300 đồng (Một trăm ba mươi triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm đồng)(Trong đó nợ gốc 123.000.000 đồng; lãi 7.146.300 đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng bà Mã Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng N về việc buộc bà Mã Thị T trả số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hoàng N phải chịu 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng). Ông N đã nộp tạm ứng án phí 4.282.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng) tại Biên lai thu số: 0008384 ngày 15/01/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, ông N còn được nhận lại 2.682.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Bà Mã Thị T phải chịu 6.507.315 đồng (Sáu triệu năm trăm lẻ bảy ngàn ba trăm mười lăm đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Mã Thị T không phải chịu. Bà T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009081 ngày 04/9/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được hoàn trả cho bà T.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Công Trí